

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+TD5+CTK3	7:25	14+2+6	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
2		RC4+P8	7:25	10+0	0+0		0+0	0+0	tat mnay rc4- 2h, p8-2h
3		CLO+TD2+PPD	9:25	1+4+16	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 5 td2- ppd
4		BK20+BK9+TD5	11:25	1+0+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
5		TD5+TD3+TTC3	13:25	4+12+0	0+0+0		3+14+2	0+0+0	chuyen 1 td5- td3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Inguoi ctk3 về đi bk20



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2024	TO: BK3 - TD5 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK3	26	1	10	2	20	82	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN CƯỜNG	BK3	24	1	15			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUẤN	BK3	31-32	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM VĂN HẠNH	BK3	25	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ BA HOA	BK3	29	1	12	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	BK3	25-26	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ QUỐC HUY	BK3	24	1	3	1	20	68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN BÌNH	BK3	22-23	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC THAI	BK3	20-21	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN TÂN	BK3	27-28	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM THANH TRUNG	BK3	39-40	2	21			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU QUÝ DUNG	BK3	35-36	2	13			55	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN GIÁP	BK3	18-19	2	21			73	XAYLAP	Vietnamese
14	CAO TUẤN VŨ	BK3	33-34	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	92	1	2			73	KHOAN	Vietnamese
16	TU DƯƠNG DUNG	TD5	90-91	2	9			69	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	48	1	5			76	YTE	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	100	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MINH HIỆU	CTK3	400,51	2	20			95	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN NAM	CTK3	46-47	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	49-50	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	99	1	3			79	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	14	970	23	210	4	55	0		
2	TD5	2	142	3	11	0	0	8		
3	CTK3	6	437	9	73	0	0	14		
TOTAL		22	1.549	35	294	4	55	22		
WEIGHT KG			1.549		294		55			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2024	TO: RC4(+2h) - P8(+2h)	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 13:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KEMPF KONSTANTIN	RC4				1	5	80	NHATHAU	Russian
2	LYSAK ANTON	RC4	75	1	3			80	NHATHAU	Russian
3	TRON ANDREI	RC4						108	NHATHAU	Russian
4	BEDNIAKOV ANDREI	RC4						75	NHATHAU	Russian
5	LUKONKIN BORIS	RC4	74	1	4			155	NHATHAU	Russian
6	POPOV MIKHAIL	RC4						182	NHATHAU	Russian
7	BAMBUROV EGOR	RC4	73	1	3			100	VSP	Russian
8	KRAPIVKA VADIM	RC4	76	1	5			90	VSP	Russian
9	ZEMLIANOV KONSTANTIN	RC4	71	1	3			80	NHATHAU	Russian
10	KHOROSHAVTSEV SERGEI	RC4	72	1	3			84	NHATHAU	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	10	1.034	6	21	1	5	0	0	CHUYEN 10 PAX RC4-P8
2	P8	0	0	0	0	1	4	14		
TOTAL		10	1.034	6	21	2	9	14		
WEIGHT KG			1.034		21		9			

GRAND TOAL: 1.064 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2024	TO: CLO - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TELESHENKO IVAN	CLO	49	1	20			122	KHOAN	Rus
2	LE NGOC LUAN	TD2	73	1	12			68	KHOAN	Vietnamese
3	NGO DUY NGOC	TD2	75	1	14			62	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN THIEN	TD2	74	1	11			61	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH DUY THANH	TD2	76	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN TRONG THANG	PPD	02	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
7	TA VAN CUONG	PPD	01.21	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI THANH TU	PPD	19	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN BA TIEN	PPD	11-12	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI DINH NGOC	PPD	04-05	2	16			51	XAYLAP	Vietnamese
11	LUU CONG DINH	PPD	13	1	6			63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC DONG	PPD	17-18	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN DANG HUAN	PPD	15	1	7	1	20	79	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUY	PPD	08	1	15			58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRINH DAC HUNG	PPD	03	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DANH	PPD	07	1	15	1	14	64	XAYLAP	Vietnamese
17	VO TA HUNG	PPD	20	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
18	DANG XUAN DUONG	PPD	10	1	5			71	PSV	Vietnamese
19	LE MINH HUY	PPD	06	1	5			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	PPD	14	1	8			61	PSV	Vietnamese
21	LE MINH KHUONG	PPD	09	1	6			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	1	122	1	20	0	0	0		
2	TD2	4	266	4	47	0	0	0	5	CHUYEN 05 PAX TD2 SANG PPD
3	PPD	16	1.102	20	195	2	34	21		
TOTAL		21	1.490	25	262	2	34	21		
WEIGHT KG			1.490		262		34			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2024	TO: BK20 - BK9 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG -	ETA: 14:00
CAM-3		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI THANH HOAT	BK20	85	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐỨC HAI	TD5	53	1	5	6	110	83	KHOAN	Vietnamese
3	HỒ VĂN TIẾN	TD5	59	1	5	1	9	65	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	55	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN THUY	TD5	52	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	54	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
7	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	56	1	9			100	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	84	1	5	1	2	61	KHOAN	Vietnamese
9	HÀ THANH TUNG	TD5	76	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HOAN	TD5	57	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN BẠC	TD5	58	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
12	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	83	1	11			60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG SƠN	TD5	51-52	2	19			73	BAKER HUC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA THUẬN	TD5	81-82	2	22			73	CODIEN	Vietnamese
15	VÕ TIẾN PHỤNG	TD5	50	1	10			74	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TRUNG	TD5	78	1	15	3	25	80	CODIEN	Vietnamese
17	PHAN MẠNH HÙNG	TD5	79-80	2	12			71	CODIEN	Vietnamese
18	QUÁCH SỸ TY	TD5	77	1	11			66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	1	67	1	11	0	0	0		
2	BK9	0	0	0	0	0	0	1		
3	TD5	17	1.253	20	156	11	146	21		
TOTAL		18	1.320	21	167	11	146	22		
WEIGHT KG			1.320		167		146			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2024	TO: TD5 - TD3 - TTC3	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG - THANH	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	TD5	99	1	6	2	40	93	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD5	98	1	10			70	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TUAN	TD5	25	1	10			58	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	69	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3				5	90	70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	74	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	75	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						77	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	71	1	10			53	KHOAN	Vietnamese
10	LA THANH	TD3	79-80	2	19			83	YTE	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	86	1	5			60	ĐANG KIEN	Vietnamese
12	CAO ĐỨC SANG	TD3	72-73	2	8			56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	70	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THANH CHÂU	TD3	76-77	2	14			72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	78	1	6			83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	3	221	3	26	2	40	3	1	CHUYEN 1 PAX TD5-TD3
2	TD3	12	858	13	85	5	90	14		
3	TTC3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		15	1.079	16	111	7	130	21		
WEIGHT KG			1.079		111		130			

GRAND TOAL: 1.320 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+BK16	7:25	5+0	0+0		0+5	0+0	chuyen 5-rcdm bk16

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2024	TO: RCDM(+02H) - BK16(+02H)	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HU'NG - MTHAO - HI'EU	ETA: 13:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LYSAK ANTON	RCDM	23	1	5			70	NHATHAU	Russian
2	TRON ANDREI	RCDM				1	15	105	NHATHAU	Russian
3	BEDNIAKOV ANDREI	RCDM						75	NHATHAU	Russian
4	LUKONKIN BORIS	RCDM	26	1	8			150	NHATHAU	Russian
5	CHUCHEV ALEKSANDR	RCDM	24	1	3			70	NHATHAU	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	5	470	3	16	1	15	0 + 5		CHUYEN 05 PAX TU RCDM SANG BK16
2	BK16	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		5	470	3	16	1	15	5		
WEIGHT KG			470		16		15			

GRAND TOAL: 501 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	11:00	19	0		19	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTIEN - VUONG	ETA: 14:10
TRANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LAI MINH HOANG	T.UNG	74	1	8	2	25	80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN TAN	T.UNG	64	1	6			87	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VIET HUU	T.UNG	53	1	15			60	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VAN TUYEN	T.UNG	62-63	2	13			58	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI THANH LONG	T.UNG	52	1	10			85	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM ANH DUC	T.UNG	58-59	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN TOAN	T.UNG	60-61	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
8	LAI VAN MANH	T.UNG	72-73	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	T.UNG	55	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOC	T.UNG	66	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN LAM	T.UNG	67	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN DONG	T.UNG	68-69	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	T.UNG	70-71	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DUAN	T.UNG	57	1	5	2	30	54	PSV	Vietnamese
15	BUI VAN QUAN (1972)	T.UNG	54	1	5			65	PSV	Vietnamese
16	VO VAN KIET	T.UNG	65	1	5			64	PSV	Vietnamese
17	PHAN VAN HONG	T.UNG	56	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	17	1.152	23	206	4	55	19		
TOTAL		17	1.152	23	206	4	55	19		
WEIGHT KG			1.152		206		55			

GRAND TOAL: 1.413 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN